

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 439/2024/HC-PT

Ngày 22 tháng 5 năm 2024

V/v Khiếu kiện QĐ Xử phạt vi phạm hành chính, QĐ hủy QĐ xử phạt vi phạm hành chính và yêu cầu hủy quyết định cưỡng chế hành chính khấu trừ tiền từ tài khoản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 41/2024/TLPT-HC ngày 15 tháng 01 năm 2024 về việc “Khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng; quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản; quyết định hủy bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2023/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1003/2024/QĐPT-HC ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Trần Thị Thùy L, sinh 1975 (Có mặt)

Nơi cư trú: tổ B, đường T, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Nguyễn Phan Hùng K và Luật sư Nguyễn Thị Kim V – Công ty L2 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H (Có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố C (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Huỳnh Xuân H - Phó trưởng phòng Quản lý đô thị Thành phố C (Có mặt).

2.2 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phạm Quốc V1- Trưởng phòng Nội chính, văn phòng UBND tỉnh A (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Văn H1, sinh năm: 1975 (Có mặt);

Nơi cư trú: tổ B, đường T, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện là bà Trần Thị Thùy L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Người khởi kiện: Bà Trần Thị Thùy L trình bày:

Bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang hủy các quyết định hành chính, gồm:

- Quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản số 433/QĐ-CCXP, ngày 04/9/2020 (Quyết định số 433/QĐ-CCXP) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh An Giang ban hành.

- Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 270/QĐ-XPVPHC ngày 24/10/2019 (Quyết định số 270/QĐ-XPVPHC) của Phó Chủ tịch UBND tỉnh A.

- Quyết định số 2893/QĐ-XPVPHC để hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 1408/QĐ-XPVPHC ngày 09/5/2019 của Phó chủ tịch UBND thành phố C.

Theo đó Quyết định số 433/QĐ-CCXP có nội dung: Buộc bà Trần Thị Thùy L phải thực hiện biện pháp cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản số tiền 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) do bà L có hành vi không tự nguyện chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 270/QĐ-XPVPHC ngày 24/10/2019 (Quyết định số 270/QĐ-XPVPHC) của Phó Chủ tịch UBND tỉnh A vì có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng. Cụ thể: Xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt đối với giấy phép xây dựng được cấp; Xây dựng công trình coi nói, lấn chiếm diện tích, lấn chiếm không gian đang được quản lý, sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác hoặc của khu vực công cộng, khu vực sử dụng chung. Theo quy định tại điểm a, điểm đ; khoản 7; Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 (Nghị định số 139/2017/NĐ-CP) của Chính phủ “quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật

liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở”.

Quá trình xây dựng nhà bà đã chấp quy định về xin phép xây dựng, cụ thể:

1. Ngày 22/6/2018, bà và chồng là Trương Văn Hậu sinh năm 1975 được UBND thành phố C, tỉnh An Giang cấp Giấy phép xây dựng Nhà ở riêng lẻ đô thị số 295/2018/GPXD (Giấy phép số 295/GPXD). Trong đó, ông H1 và bà L được phép xây dựng công trình như sau:

- Tên công trình: Nhà ở gia đình;
- Vị trí xây dựng: Thửa 152, diện tích 54,10m², tờ bản đồ số 36 và thửa 1122, diện 54,30m², tờ bản đồ số 36; đường T, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang;
- Cốt nền công trình xây dựng: Cao +0,35m so với mặt vỉa hè; Mật độ xây dựng: 100%, hệ số sử dụng đất: 3,17; Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Mép ngoài công trình cách tim đường T là 13,10m và 13,70m; Tổng diện tích sàn: 343,58m²; Chiều cao công trình: +14,7m; số tầng: 03 tầng.

Kèm đơn xin cất nhà, ông H1, bà L cung cấp hai Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Giấy CNQSDĐ) số CH04797 (thửa đất số 152, tờ bản đồ số 36, diện tích 54,1 m²) và Giấy CNQSDĐ số CH04796 (thửa đất số 1122, tờ bản đồ số 36, diện tích 54,3 m²) đứng tên Trương Văn H1 và Trần Thị Thùy L (hai thửa liền nhau) do UBND thành phố C ký cùng ngày 31/12/2013.

2. Quá trình xây nhà, ngày 24/9/2018 Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố C đã tiến hành kiểm tra công trình xây dựng nhà ở của ông H1 và bà L theo Giấy phép số 295/GPXD. Tổ kiểm tra đã tiến hành lập Biên bản về việc Kiểm tra xây dựng, hiện trạng công trình được Tổ kiểm tra nhận định là *“đúng nội dung giấy phép và bản vẽ thiết kế được duyệt. Thi công phải đảm bảo an toàn lao động, an toàn lưới điện, vệ sinh trong môi trường. Bổ sung hợp đồng xây dựng đúng quy định”*.

3. Đến ngày 14/11/2018, Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố C đã tiến hành kiểm tra xây dựng lần 2 đối với công trình xây dựng theo Giấy phép số 295/GPXD của ông H1 và bà L. Tổ công tác đã ghi nhận lại hiện trạng công trình tại Biên bản về việc Kiểm tra xây dựng (lần 2) như sau: Công trình đang đổ cột tầng 5; Mép ngoài công trình cách tim đường T là 13,1 và 13,70; Diện tích xây dựng: Trệt: Ngang trước 7,66m, ngang sau 7,84m; Dài 14m. Kết luận: Công trình đang thi công là sai Giấy phép và Bản vẽ thiết kế do vượt 2 tầng so với Giấy phép và Bản vẽ thiết kế.

Từ đó, Tổ công tác yêu cầu “*Tạm ngưng thi công tầng 4, tầng 5 sai so với thiết kế và giấy phép (3 tầng). Làm thủ tục xin thay đổi thiết kế và giấy phép xây dựng*”.

Bà L, ông H1 thống nhất theo Biên bản kiểm tra.

4. Đến ngày 07/5/2019, Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố C đã lập Biên bản số 07/BB-VPHC (lần ba) về Hoạt động đầu tư xây dựng đối với bà L về hành vi vi phạm hành chính: “*Tổ chức thi công xây dựng công trình sai nội dung Giấy phép xây dựng số 295 cấp cho ông Trương Văn H1 và bà Trần Thị Thùy L số tầng 3 tầng, hiện trạng xây dựng 5 tầng và mái che cầu thang*”. Bà L thống nhất, ký biên bản.

5. Đến ngày 09/5/2019 thì UBND thành phố C ban hành Quyết định Xử phạt vi phạm hành chính số 1408/QĐ-XPVPHC xử phạt bà L về hành vi vi phạm hành chính “*Tổ chức thi công xây dựng công trình nhà ở riêng lẻ tại đô thị sai nội dung Giấy phép xây dựng số 295 đối với trường hợp được cấp phép xây dựng mới*”. Theo đó, UBND thành phố C đã xử phạt bà L 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) và yêu cầu bà L: Dừng thi công xây dựng công trình sai nội dung giấy phép xây dựng; Làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy phép xây dựng trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, nếu quá thời hạn này sẽ bị áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ phần công trình vi phạm; Phải tháo dỡ phần công trình không phù hợp với giấy phép xây dựng mới được điều chỉnh; Chi trả mọi chi phí thi hành biện pháp khắc phục hậu quả.

Ngày 16/5/2019, bà L đến Kho bạc Nhà nước C để nộp tiền phạt theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 1408/QĐ-XPVPHC ngày 09/5/2019 của UBND thành phố C số tiền là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Ngày 20/5/2019, bà L và ông H1 đã làm Đơn xin thay đổi thiết kế với nội dung đề nghị thay đổi như sau: Diện tích xây dựng: Tầng trệt và các tầng 2, 3, 4, 5 là 124,8m² (giấy phép cũ chỉ có 3 tầng mỗi tầng 108,4m²); Tổng diện tích sàn: 624m² (giấy phép cũ chỉ có 343,58m²); Chiều cao công trình: 14,7m, bao gồm: Trệt 3,5m; Tầng 2, 3, 4 mỗi tầng 3m; Tầng 5 là 2,2m + ốp mái tole (giấy phép cũ cao 14,7m nhưng chỉ gồm 3 tầng: Trệt: 4m; Tầng 2 và 3 mỗi tầng 3,6m; Mái 2,5m); Số tầng: 5 tầng (giấy phép cũ gồm 3 tầng). Gửi kèm đơn này là bản vẽ xin phép xây dựng điều chỉnh thay đổi.

6. Ngày 17/9/2019, Chủ tịch UBND thành phố C ra Quyết định số 2893/QĐ-XPVPHC để hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 1408/QĐ-XPVPHC ngày 09/5/2019 của Phó chủ tịch UBND thành phố C với lý do là có sai sót về nội dung áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính làm thay đổi cơ bản nội dung của Quyết định.

7. Ngày 26/9/2019, Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố C, tỉnh An Giang đã đến kiểm tra công trình xây dựng của ông H1, bà L và lập Biên bản vi phạm hành chính số 45/BB-VPHC (lần bốn) với các vi phạm sau đây:

a. Xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch được duyệt đối với Giấy phép số 295/GPXD.

Cụ thể như sau: Xây dựng tại thửa 152 và thửa 1122 tờ bản đồ số 36, GCNQSDĐ số CH04797 và CH04796 đường T, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang; chiều cao tầng trệt sai so với bản vẽ thiết kế được duyệt: 3,5m so với 4m; xây dựng chiều cao lầu 1, lầu 2 sai so với bản vẽ thiết kế được duyệt: 3,1m so với 3,6m; xây dựng phát sinh lầu 3 cao 3,1m với kết cấu: sàn, khung cột bê tông cốt thép, vách gạch; xây dựng phát sinh lầu 4 cao 3,1m với kết cấu: sàn, khung cột bê tông cốt thép, vách gạch, mái bê tông cốt thép, mái che cầu thang cao 3m, ngang 7,74m; không phù hợp với Điều lệ Quản lý xây dựng theo Quy hoạch chi tiết khu di tích văn hóa lịch sử và du lịch Núi S, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 17/10/2006 của UBND tỉnh A về việc phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết khu di tích văn hóa lịch sử và du lịch Núi S, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh An Giang.

b. Xây dựng công trình coi nói, lấn chiếm diện tích, lấn chiếm không gian đang được quản lý, sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác hoặc của khu vực công cộng, khu vực sử dụng chung.

Cụ thể như sau: Xây dựng coi nói, lấn chiếm phía sau thửa công cộng tiếp giáp thửa 152 và thửa 1122 tờ bản đồ số 36, GCNQSDĐ số CH04797 và CH04796 đường T, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang; diện tích: ngang (7,84m x dài 2m), 05 tầng, xây dựng liền khối với công trình được cấp Giấy phép số 295/GPXD.

8. Ngày 24/10/2019, căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 45/BB-VPHC, Chủ tịch UBND tỉnh A ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 270/QĐ-XPVPHC (Quyết định số 270/XPVPHC), căn cứ quy định tại điểm a, khoản 7, Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ “Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở” (Nghị định số 139/2017/NĐ-CP) đối với bà L với lý do vi phạm như đã nêu. Hình thức phạt chính là phạt tiền, cụ thể:

- Phạt tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) đối với hành vi xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt so với Giấy phép số 295/GPXD.

- Phạt tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) đối với hành vi xây dựng công trình coi nói, lấn chiếm diện tích, lấn chiếm không gian được quản lý, sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác hoặc của khu vực công cộng, khu vực sử dụng chung.

- Tổng số tiền bị phạt là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng)

Ngoài ra, Quyết định số 270/XPVPHC còn áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc tháo dỡ phần công trình xây dựng vi phạm không phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt và phần công trình coi nói, lấn chiếm hẻm công cộng.

9. Ngày 24/12/2019, UBND thành phố C ra Quyết định số 3750/QĐ-UBND để hoàn trả tiền xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng cho bà Trần Thị Thùy L số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) với lý do hoàn trả là có sai sót về nội dung áp dụng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

10. Ngày 04/9/2020, Chủ tịch UBND tỉnh A ban hành Quyết định số 433/QĐ-CCXP cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản đối với bà L và Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1 chi nhánh C2 (V2) số tiền là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng), với lý do bà L không tự nguyện chấp hành Quyết định số 270/QĐ-XPVPHC ngày 24/10/2019.

Người khởi kiện cho rằng: việc Chủ tịch UBND thành phố C ra Quyết định số 2893/QĐ-XPVPHC để hủy bỏ toàn bộ Quyết định số 1408/QĐ-XPVPHC không nêu rõ căn cứ pháp luật là không đúng quy định. Bà không biết được quy hoạch xây dựng tại khu vực này vì không được thông báo; Việc bà xây dựng coi nói, lấn chiếm diện tích đất công là không đúng bởi vì bà xây trên diện tích đã sử dụng ổn định từ năm 1991 đến nay nên Quyết định số 270/QĐ-XPVPHC là không đúng và sai phạm của bà chỉ là xây dựng sai thiết kế. Đây là tài sản chung của vợ chồng nếu tháo dỡ theo Quyết định số 270/QĐ-XPVPHC là không thực hiện được vì quyết định chỉ tháo dỡ phần tài sản của bà. Từ đó việc ban hành các quyết định trên đã xâm phạm đến quyền lợi của bà nên bà yêu cầu hủy.

** Người bị kiện: Chủ tịch UBND tỉnh A trình bày tại Công văn số 688/UBND-NC, ngày 13/6/2023 của UBND tỉnh A nêu ý kiến như sau:*

Vợ chồng ông Trương Văn H1 và bà Trần Thị Thùy L, được Ủy ban nhân dân thành phố C cấp Giấy phép xây dựng số 295/2018/GPXD ngày 22/6/2018 về xây dựng nhà ở gia đình với nội dung, vị trí xây dựng tại thửa 152, tờ bản đồ 36, diện tích 54,10m² và thửa 1122, tờ bản đồ số 36, diện tích 54,30m tại đường T, chiều cao công trình 14,7m, với số tầng là 03 tầng.

Trong quá trình xây dựng, Đội Trật tự quản lý đô thị thành phố C nhiều lần kiểm tra và lập Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC ngày 07/5/2019 đối với bà Trần Thị Thùy L về hành vi: Tổ chức thi công xây dựng công trình sai nội dung giấy phép xây dựng được cấp, số tầng cho phép 03 tầng, hiện trạng xây dựng 05 tầng và mái che cầu thang, quy định tại điểm a khoản 4 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ. Ngày 09/5/2019, Phó Chủ tịch UBND thành phố C ban hành Quyết định số 1408/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Thùy L với số tiền 15.000.000 và áp dụng khoản 12, khoản 13, Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP yêu cầu bà L dừng thi công công xây dựng công trình sai nội dung Giấy phép xây dựng; phải làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh giấy phép xây dựng trong thời hạn 60 ngày, nếu hết thời hạn này, bà L không xuất trình giấy phép xây dựng điều chỉnh thì bị áp dụng biện pháp buộc tháo dỡ phần công trình vi phạm theo quy định. Sau khi được điều chỉnh giấy phép xây dựng, bà L phải tháo dỡ phần công trình không phù hợp với giấy phép xây dựng được điều chỉnh thì mới được thi công xây dựng.

Ngày 23/8/2019, Thanh tra tỉnh An Giang có Kết luận thanh tra số 07/KL-TTT về việc thanh tra trách nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố C trong công tác quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc, cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự đô thị. Qua thanh tra, Thanh tra tỉnh kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố C hủy bỏ Quyết định số 1408/QĐ-XPVPHC ngày 09/5/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Thùy L, do có sai sót về nội dung áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính làm thay đổi cơ bản quyết định xử phạt. Ngày 17/9/2019, Chủ tịch UBND phố C ban hành Quyết định số 2893/QĐ-XPVPHC hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số số 1408/QĐ-XPVPHC đối với bà Trần Thị Thùy L theo Kết luận thanh tra số 07/KL-TTT ngày 23/8/2019 của Thanh tra tỉnh An Giang.

Ngày 26/9/2019, Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố C lập Biên bản vi phạm hành chính số 45/BB-VPHC đối với bà Trần Thị Thùy L về 02 hành vi: (1) xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt và (2) xây dựng công trình coi nới, lấn chiếm diện tích, lấn chiếm không gian đang được quản lý, sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác hoặc của khu vực công cộng, khu vực sử dụng chung.

Ngày 09/10/2019, UBND thành phố C có Tờ trình số 162/TTr- UBND đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xử phạt vi phạm hành chính bà Trần Thị Thùy L. Ngày 24/10/2019, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 270/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà L về hành vi xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt và xây dựng công trình coi nới, lấn chiếm diện tích khu vực công cộng với mỗi hành vi là 55.000.000 đồng,

theo quy định tại điểm a và điểm đ khoản 7 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc bà Trần Thị Thùy L tháo dỡ phần công trình xây dựng vi phạm không phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt và phần công trình xây dựng coi nói, lấn chiếm hẻm công cộng, theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ.

Do bà Trần Thị Thùy L không tự nguyện chấp hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 270/QĐ-XPVPHC. Căn cứ Điều 86, Điều 87 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 và Điều 15 Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 433/QĐ-CCXP ngày 04/9/2020 cưỡng chế thi hành Quyết định số 270/QĐ-XPVPHC ngày 24 tháng 10 năm 2019 đối với bà Trần Thị Thùy L, với hình thức khấu trừ số tiền 110.000.000 đồng từ tài khoản Ngân hàng.

Ngày 30/5/2022, Tòa án nhân dân tỉnh An Giang có Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST về việc khiếu kiện yêu cầu hủy quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ L1 đối với Quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản số 433/QĐCCXP ngày 04/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A; Hủy Quyết định số 433/QĐ-CCXP ngày 04/9/2020 của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A về việc cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản đối với bà Trần Thị Thùy L,...

Ngày 10/6/2022, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐ-VKS-HC về việc kháng nghị toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Ngày 13/6/2023, Chủ tịch UBND tỉnh có Đơn kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang về việc khiếu kiện yêu cầu hủy bỏ quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản đối với bà Trần Thị Thùy L: Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm theo hướng hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Ngày 09/02/2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có Bản án số 43/2023/HC-PT về việc khiếu kiện yêu cầu hủy bỏ quyết định cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản đối với bà Trần Thị Thùy L, tuyên xử: Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 07/2022/HC-ST Tòa án nhân dân tỉnh An Giang; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định pháp luật”. Vì vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thùy L.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu vắng mặt suốt quá trình tố tụng và đề nghị xét xử vắng mặt.

** Người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố C, tỉnh An Giang không gửi ý kiến trình bày đối với việc khởi kiện của bà Trần Thị Thùy L.*

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trương Văn H1: thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thùy L, đồng thời có đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.*

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2023/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã quyết định:

*** Áp dụng:** khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 206 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

+ Khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thùy L đối với việc yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số 433/QĐ-CCXP ngày 04/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản.

- Quyết định số 270/QĐ-XPVPHC ngày 24/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh A xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Thùy L.

- Quyết định số 2893/QĐ-XPVPHC ngày 17/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/9/2023, người khởi kiện bà Trần Thị Thùy L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trương Văn H1 có đơn kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Căn nhà của bà L và ông H1 xây dựng không nằm trong quy hoạch khu du lịch B, vì vậy Chủ tịch UBND thành phố C, Chủ tịch UBND tỉnh A xử phạt như vậy là

không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, hủy các quyết định hành chính nêu trên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày: Phần căn nhà của bà L và ông H1 đang xây dựng nằm trong quy hoạch khu di tích văn hóa lịch sử du lịch Núi Sam, nên việc xây dựng sai giấy phép là không đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của bà L, ông H1, giữ nguyên án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo không xuất trình được chứng cứ nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của bà L, ông H1 và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được làm đúng thời hạn, hình thức nội dung đảm bảo theo quy định pháp luật.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Tòa án nhân dân Cấp Cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử vắng mặt đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận định:

[2.1] Căn cứ Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 11/10/2006 của UBND tỉnh A về việc phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết Khu di tích văn hóa lịch sử và du lịch N, thị xã C, tỉnh An Giang và Quyết định số 3319/QĐ-UBND ngày 02/11/2017 của UBND tỉnh A về việc phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu D, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang; UBND thành phố C đã cấp Giấy phép xây dựng số 295/2018/GPXD ngày 22/6/2018 (Giấy phép 295/2018/GPXD) cho bà Trần Thị Thùy L và ông Trương Văn H1.

Theo nội dung Giấy phép 295/2018/GPXD thể hiện, ông H1 và bà L được phép xây dựng công trình như sau:

- Tên công trình: Nhà ở gia đình;

- Vị trí xây dựng: Thửa 152, diện tích 54,10m², tờ bản đồ số 36 và thửa 1122, diện tích 54,30m², tờ bản đồ số 36; đường T, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang;

- Cốt nền công trình xây dựng: Cao +0,35m so với mặt vỉa hè; Mật độ xây dựng: 100%, hệ số sử dụng đất: 3,17; Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng: Mép ngoài công trình cách tim đường T là 13,10m và 13,70m; Tổng diện tích sàn: 343,58m²; Chiều cao công trình: +14,7m; số tầng: 03 tầng.

[2.2] Tại Điều 4 Luật xây dựng năm 2014 (được sửa đổi bổ sung năm 2020) quy định: *“Điều 4 Nguyên tắc cơ bản trong hoạt động đầu tư xây dựng.*

1. Bảo đảm đầu tư xây dựng công trình theo quy hoạch, thiết kế, bảo vệ cảnh quan, môi trường; phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội, đặc điểm văn hóa của địa phương; bảo đảm ổn định cuộc sống của Nhân dân; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu...”

Như vậy, theo quy định trên thì công trình xây dựng của bà L, ông H1 ngoài việc hạn chế chiều cao, số tầng và diện tích xây dựng còn phải xây dựng phù hợp với quy hoạch, thiết kế được duyệt vì khu vực này nằm trong quy hoạch Khu di tích văn hóa lịch sử du lịch N, thành phố C.

[2.3] Căn cứ các Biên bản vi phạm hành chính số 07/BB-VPHC ngày 07/5/2019 ghi nhận vợ chồng bà L, ông H1 xây dựng sai Giấy phép được cấp (cụ thể là vượt độ cao 1,2m, vượt quá số tầng là 02 tầng (5/3); Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L, ông H1 trình bày ngoài việc xây vượt tầng, vượt quá chiều cao, còn xây thêm diện tích 2m x 7,84m ngoài giấy phép xây dựng và nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp nhưng nằm trong diện tích đất vợ chồng bà L mua sử dụng ổn định từ năm 1991 đến nay, chứng cứ chứng minh là 03 tờ Thông báo nộp tiền thuế sử dụng đất (năm 2013 của Chi cục Thuế thị xã C và năm 2022, 2023 của Chi cục Thuế khu vực C3) đều thể hiện diện tích đất chịu thuế là 61,2m². Từ đó bà L, ông H1 đều cho rằng đây không phải là hành vi xây dựng coi nơi, lấn chiếm diện tích, lấn chiếm không gian đang được quản lý, sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác hoặc của khu vực công cộng, khu vực sử dụng chung nên hành vi sai phạm của bà L chỉ là xây dựng sai thiết kế.

Xét, việc bà L trình bày xây dựng sai thiết kế trên phần đất đã sử dụng ổn định từ năm 1991 là không có chứng cứ chứng minh, bởi lẽ: thông báo nộp thuế nhà đất không phải là quyết định giao đất của cơ quan có thẩm quyền, bà L không cung cấp được giấy tờ nhận chuyển nhượng đất từ chủ cũ, đồng thời đối chiếu với 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp từ năm 2013 của bà L thì hiện trạng phần xây dựng thêm (2m x 7,84m) nằm trên con hẻm công cộng, chưa

được xác định số thửa thuộc quyền quản lý, sử dụng của ai?; cũng như trong những lời trình bày tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm trước đây bà L đều thừa nhận xây dựng lấn chiếm hẻm công cộng. Do đó, có cơ sở xác định, bà L, ông H1 đã có hành vi vi phạm “Xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt” và “Xây dựng coi nói, lấn chiếm diện tích khu vực công cộng, khu vực sử dụng chung”.

[2.4] Tại Điều 12 Luật Xây dựng quy định:

“Điều 12. Các hành vi bị nghiêm cấm

....

4. Xây dựng công trình không đúng quy hoạch xây dựng, trừ trường hợp có giấy phép xây dựng có thời hạn; vi phạm chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng; xây dựng công trình không đúng với giấy phép xây dựng được cấp...”

Tại khoản 7 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng; quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật; kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở nêu:

“Điều 15. Vi phạm quy định về trật tự xây dựng

1

7. Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt;

....

đ) Xây dựng coi nói, lấn chiếm diện tích, lấn chiếm không gian đang được quản lý, sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác hoặc của khu vực công cộng, khu vực sử dụng chung.”

...

Tuy nhiên, Phó Chủ tịch UBND thành phố C lại ban hành Quyết định số 1408/QĐ-XPVPHC ngày 09/5/2019 xử phạt vi phạm hành chính đối với bà L số tiền 15.000.000 đồng theo điểm a khoản 4 Điều 15 Nghị định 139/2017/NĐ-CP và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là không đúng. Tại kết luận thanh tra số 07/KL-TTT ngày 23/8/2019 của Thanh tra tỉnh An Giang về việc thanh tra trách nhiệm của Chủ tịch UBND thành phố C trong công tác quản lý quy hoạch xây dựng, kiến trúc, cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự đô thị cũng đã nêu tính không đúng pháp luật của Quyết định số 1408/QĐ-XPVPHC, đồng thời kiến nghị hủy bỏ. Từ đó, Chủ tịch UBND Thành phố C đã ban hành Quyết định số

2893/QĐ- XPVPHC hủy bỏ Quyết định số 1408/QĐ-XPVPHC là có căn cứ và việc ban hành Quyết định số 2893/QĐ- XPVPHC là phù hợp với khoản 3 Điều 18 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác khởi kiện của bà L về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2893/QĐ-XPVPHC ngày 17/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C là có căn cứ.

Đối với số tiền đã nộp phạt 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) theo Quyết định số 1408/QĐ-XPVPHC của bà L đã được khắc phục theo Quyết định số 3750/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C về việc hoàn trả tiền xử phạt vi phạm hành chính.

[2.5] Do hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính lần đầu (Quyết định số 1408/QĐ-XPVPHC) bị hủy nên hành vi vi phạm được coi là chưa bị xử lý.

Ngày 26/9/2019, Đội Quản lý trật tự đô thị thành phố C, tỉnh An Giang đã lập Biên bản vi phạm hành chính số 45/BB-VPHC nêu các vi phạm sau đây:

a. Xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch được duyệt đối với Giấy phép số 295/GPXD.

Cụ thể như sau: Xây dựng tại thửa 152 và thửa 1122 tờ bản đồ số 36, GCNQSDĐ số CH04797 và CH04796 đường T, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang; chiều cao tầng trệt sai so với bản vẽ thiết kế được duyệt: 3,5m so với 4m; xây dựng chiều cao lầu 1, lầu 2 sai so với bản vẽ thiết kế được duyệt: 3,1m so với 3,6m; xây dựng phát sinh lầu 3 cao 3,1m với kết cấu: sàn, khung cột bê tông cốt thép, vách gạch; xây dựng phát sinh lầu 4 cao 3,1m với kết cấu: sàn, khung cột bê tông cốt thép, vách gạch, mái bê tông cốt thép, mái che cầu thang cao 3m, ngang 7,74m; không phù hợp với Điều lệ Quản lý xây dựng theo Quy hoạch chi tiết khu di tích văn hóa lịch sử và du lịch Núi S, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 2053/QĐ-UBND ngày 17/10/2006 của UBND tỉnh A về việc phê duyệt điều chỉnh đồ án quy hoạch chi tiết khu di tích văn hóa lịch sử và du lịch Núi S, thị xã C (nay là thành phố C), tỉnh An Giang.

b. Xây dựng công trình coi nôi, lấn chiếm diện tích, lấn chiếm không gian đang được quản lý, sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác hoặc của khu vực công cộng, khu vực sử dụng chung.

Cụ thể như sau: Xây dựng coi nôi, lấn chiếm phía sau thửa công cộng tiếp giáp thửa 152 và thửa 1122 tờ bản đồ số 36, GCNQSDĐ số CH04797 và CH04796 đường T, khóm V, phường N, thành phố C, tỉnh An Giang; diện tích: ngang (7,84m x dài 2m), 05 tầng, xây dựng liền khối với công trình được cấp Giấy phép số 295/GPXD.

Biên bản có chữ ký của người vi phạm là bà Trần Thị Thùy L.

Đồng thời, Chủ tịch UBND thành phố C có Tờ trình số 162/TTr-UBND ngày 09/10/2019 đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh A xử phạt vi phạm hành chính bà Trần Thị Thùy L đối với công trình vi phạm trật tự xây dựng trên địa bàn phường N.

Ngày 24/10/2019, căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 45/BB-VPHC, Chủ tịch UBND tỉnh A ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 270/QĐ-XPVPHC (Quyết định số 270/XPVPHC) với nội dung cơ bản:

Hình thức phạt chính là phạt tiền, cụ thể:

- Phạt tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) đối với hành vi xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt so với Giấy phép số 295/GPXD.

- Phạt tiền 55.000.000 đồng (năm mươi lăm triệu đồng) đối với hành vi xây dựng công trình coi nói, lấn chiếm diện tích, lấn chiếm không gian được quản lý, sử dụng hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác hoặc của khu vực công cộng, khu vực sử dụng chung.

- Tổng số tiền bị phạt là 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng)

Ngoài ra, Quyết định số 270/XPVPHC còn áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc tháo dỡ phần công trình xây dựng vi phạm không phù hợp với quy hoạch xây dựng được duyệt và phần công trình coi nói, lấn chiếm hẻm công cộng.

Xét, Quyết định số 270/XPVPHC nêu trên hoàn toàn phù hợp với điểm a, đ khoản 7 Điều 15 và điểm d khoản 3 Điều 3 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ; phù hợp về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo điểm a khoản Điều 6 Luật Xử lý vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt được quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Việc bà L và ông H1 cho rằng chủ thể sai phạm là 02 người, nhưng chỉ xử phạt một mình bà L và tháo dỡ một phần vi phạm là tài sản chung của bà L, ông H1 là không đúng. Hội đồng xét xử thấy rằng, ông H1 và bà L đều đứng chung giấy phép xây dựng, việc thi công công trình đều do bà L và ông H1 giám sát, chỉ đạo, đây là tài sản chung của vợ chồng ông bà nên việc để xảy ra vi phạm là lỗi của cả 02 người. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 270/XPVPHC của bà L là phù hợp.

[2.6] Xét Quyết định 433/QĐ-CCXP.

Tại Điều 73 Luật xử lý vi phạm hành chính quy định:

“Điều 73. Thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính phải chấp hành quyết định xử phạt trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp quyết định xử phạt vi phạm hành chính có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó.

Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì vẫn phải chấp hành quyết định xử phạt, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật này. Việc khiếu nại, khởi kiện được giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. ...”

Điều 86 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định:

“Điều 86. Cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

1. Cường chế thi hành quyết định xử phạt được áp dụng trong trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính không tự nguyện chấp hành quyết định xử phạt theo quy định tại Điều 73 của Luật này.

2. Các biện pháp cường chế bao gồm:

a) Khấu trừ một phần lương hoặc một phần thu nhập, khấu trừ tiền từ tài khoản của cá nhân, tổ chức vi phạm;

b) Kê biên tài sản có giá trị tương ứng với số tiền phạt để bán đấu giá;

c) Thu tiền, tài sản khác của đối tượng bị cường chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do cá nhân, tổ chức khác đang giữ trong trường hợp cá nhân, tổ chức sau khi vi phạm cố tình tẩu tán tài sản.

d) Buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này.

3....”

Bà Trần Thị Thùy L nhận được Quyết định số 270/XPVPHC vào ngày 01/11/2019 nhưng không tự nguyện chấp hành nên Chủ tịch UBND tỉnh A đã ban hành Quyết định 433/QĐ-CCXP ngày 04/9/2020 về cường chế khấu trừ tiền từ tài khoản là phù hợp với các quy định nêu trên và đúng thẩm quyền và thời hiệu được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 87 và khoản 1 Điều 74 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Bà L, ông H1 cho rằng Quyết định số 270/QĐ-XPVPHC ngày 24/10/2019 về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Thùy L, mà không đề cập xử phạt đối với ông Trương Văn H1 (chồng bà L) là thiếu sót và không đảm bảo thực hiện trong thực tế vì đây là tài sản vợ chồng ông H1. Tuy nhiên, tại Điều 3 Nghị định 118/2021/NĐ-CP23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: “Hộ kinh

doanh, hộ gia đình, cộng đồng dân cư vi phạm hành chính bị áp dụng mức phạt tiền đối với cá nhân vi phạm hành chính. Người đại diện của hộ kinh doanh, chủ hộ của hộ gia đình, người đứng đầu của cộng đồng dân cư chịu trách nhiệm thực hiện các quyết định xử phạt vi phạm hành chính cho hộ kinh doanh, hộ gia đình, cộng đồng dân cư”. Do đó, quyết định xử phạt và cưỡng chế ghi tên bà Trần Thị Thùy L nhưng trách nhiệm thi hành là chung của vợ chồng bà L và việc cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản của bà L thực chất là tài sản thuộc sở hữu chung của vợ chồng bà L, ông H1. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của bà L về việc hủy Quyết định 433/QĐ-CCXP là đúng pháp luật.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, kháng cáo của bà L ông H1 là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà L ông H1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trần Thị Thùy L và ông Trương Văn H1 phải chịu, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bác yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện bà Trần Thị Thùy L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn H1. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 10/2023/HC-ST ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

*** Tuyên xử:**

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thùy L đối với việc yêu cầu hủy các quyết định:

- Quyết định số 433/QĐ-CCXP ngày 04/9/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh A cưỡng chế khấu trừ tiền từ tài khoản.

- Quyết định số 270/QĐ-XPVPHC ngày 24/10/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh A xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Thùy L.

- Quyết định số 2893/QĐ-XPVPHC ngày 17/9/2019 của Chủ tịch UBND thành phố C hủy bỏ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

2. Về án phí:

2.1 Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Trần Thị Thùy L phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số TU/2019/0009476 ngày 16/3/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang

2.2. Án phí hành chính phúc thẩm: bà Trần Thị Thùy L và ông Trương Văn H1 phải chịu mỗi người 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mỗi đương sự đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0000404 ngày 11/9/2023 và số 0000405 ngày 11/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Thúy